

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 300/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị N** - Sinh năm 1998; Số CCCD: 044198004196 cấp ngày 25.02.2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C. Địa chỉ: Số A đường L, phường S, thành phố Đ.

Bị đơn: Ông **Lê Tấn T** - Sinh năm 1992; Số CCCD: 051092006633 cấp ngày 25.02.2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C. Nơi đăng ký thường trú: Hành Đức, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi. Địa chỉ nơi ở (tạm trú): Số A đường L, phường S, thành phố Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị N và ông Lê Tấn T.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị N và ông Lê Tấn T thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Công nhận ông Lê Tấn T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Tấn S, sinh ngày 31.10.2018; bà Trần Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Tấn T1, sinh ngày 15.02.2023 cho đến khi các con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Bà Trần Thị N và ông Lê Tấn T xác nhận không có nên không đề cập đến.

- *Về nợ chung*: Bà Trần Thị N và ông Lê Tấn T xác nhận không có nên không đề cập đến.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, bà Trần Thị N tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005993 ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Còn hoàn trả cho bà Trần Thị N số tiền là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2- Đ;
- Thi hành án dân sự thành phố Đ;
- UBND xã Đ, tỉnh Q (xã H cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Diện